

SUY NGHĨ VỀ VIỆC GIỮ GÌN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH GIAO LƯU, HỘI NHẬP

*Đinh Xuân Lâm**

*Bùi Đình Phong***

Đây là một vấn đề không hoàn toàn mới, có chăng chỉ là những nhận thức mới về một đề tài cũ, nhưng lại luôn luôn được bàn tới. UNESCO đã lưu ý rằng "văn hoá là trung tâm của các cuộc tranh luận hiện nay về bản sắc, sự gắn kết về mặt xã hội và sự phát triển của một nền kinh tế tri thức"⁽¹⁾.

Văn hóa khắc họa bản sắc và phương thức tồn tại của một cộng đồng, khiến cộng đồng ấy có đặc thù riêng. Như vậy, văn hóa mang bản sắc dân tộc. Và yếu tố dân tộc là yếu tố quyết định nhất của một nền văn hoá. Bản sắc văn hoá dân tộc là cái "hồn", là sức sống nội sinh, là cái thể căn cước của mỗi dân tộc, để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác, từ đó có thể biểu lộ một cách trọn vẹn nhất sự hiện diện của mình trong quá trình giao lưu và hội nhập.

Trải hàng nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã rèn đúc, tôi luyện cho mình nhiều *phẩm chất* tốt đẹp. Đó là khả năng chế ngự thiên nhiên; tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo trong chống giặc ngoại xâm; sự hình thành một hệ giá trị cốt lõi của văn hoá dân tộc với tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cố kết cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, lấy nhân nghĩa làm gốc, trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng nhà - làng - nước, trọng dân, đề cao dân, lấy dân làm gốc, hoà hợp để hoà đồng, cần cù, khiêm tốn, giản dị trong lối sống... Tất cả tạo thành nhân cách của con người, của dân tộc Việt Nam.

Bản sắc văn hoá Việt Nam là tố chất hợp luyện cùng chiều với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Bản sắc đó

* Giáo sư, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội. Việt Nam.

** Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Việt Nam.

không phải là một hằng số, là những giá trị bất biến, mà có những giá trị mới được hình thành trong quá trình hội nhập, tiếp biến giữa các nền văn hoá.

Tuỳ theo cách tiếp cận và vấn đề nghiên cứu, để có thể rút ra những kinh nghiệm của việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, đóng cửa hay mở cửa trong quá trình giao lưu hội nhập. Trước nay, khi nhắc lại các bài học của lịch sử, người ta thường bàn tới Đông - Tây, đi vào một số nước điển hình như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Thái Lan. Có những công trình khảo cứu các loại hình người da đỏ ở châu Mỹ, người da đen ở Nam Phi, văn minh cổ đại ở Hy -La, rồi con đường tơ lụa giữa châu Á và châu Âu, v.v...

Tấm gương của lịch sử soi cho ta những vấn đề gì?

Trước hết, phải nhận thức văn hóa là đối thoại, là sự xâm nhập, đan xen, trao đổi, tác động qua lại và có chút pha trộn giữa các yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Bản thân khái niệm văn hoá dù theo nghĩa này hay nghĩa khác, cũng đều thể hiện quan hệ với mình, với người, với việc, giữa dân tộc và nhân loại. Văn hóa là biết cách xử sự, xử thế. Văn hóa luôn tiếp nhận lẫn nhau, vay mượn của nhau. Mọi nền văn hoá đều thuộc về di sản chung của nhân loại. Văn hóa của giai đoạn sau thường là sự phát triển hợp quy luật của tổng số những kiến thức mà loài người đã tích lũy được ở các giai đoạn trước. Không có nền văn hoá nào trên thế giới lại tuyệt đối thuần khiết và không bị ảnh hưởng bởi bất cứ nền văn hóa nào khác. Điều này đúng với mọi thời đại.

Đời sống của một con người, một cộng đồng, một dân tộc hay xã hội, tự bản thân nó là không ngừng phát triển, tự tái tạo và biến đổi không ngừng trong tiến hoá của lịch sử. Sự trao đổi và phát triển đó ngưng trệ - dù vô thức hay hữu thức - đều làm tổn thương và xói mòn các giá trị của đời sống, là điều tồi tệ nhất. Những bài học kinh nghiệm thành công và không thành công của Việt Nam và thế giới thời cổ, trung, cận đại đều được đo bằng việc giao lưu hội nhập với thế giới hay co vào cố thủ, đóng kín, khước từ giao lưu.

Việc mở mang đầu óc với thế giới bên ngoài là một đòi hỏi khách quan, một quy luật của sự hưng thịnh tiến bộ và phát triển. Ngăn trở hoặc làm trái quy luật sẽ dẫn tới suy vong.

Không kể tới những sự cách biệt do các yếu tố địa lý như bị ngăn cách bởi đại dương, sa mạc, bởi khí hậu khắc nghiệt làm cho một số nền văn minh cổ đại từ chỗ phát triển cao đi tới chỗ trì trệ, suy tàn, còn lại đều chủ yếu do sự xung đột, cưỡng chế áp đảo. Triều đại Mãn Thanh ở Trung Quốc, triều Nguyễn ở Việt Nam là những ví dụ điển hình về chính sách "bế quan tỏa cảng" trước sức mạnh áp đảo của văn minh phương Tây. Kết quả là

càng đóng kín bao nhiêu thì càng trở nên trì trệ bấy nhiêu, cuối cùng cũng không thể đóng cửa. Ngược lại, bài học của Nhật Bản, của Hồ Chí Minh với chủ trương mở cửa, ứng xử với các nền văn minh khác là những hình ảnh sống động, mẫu mực của việc giao lưu hội nhập trên cơ sở giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Hai là, không mở mang đầu óc với thế giới bên ngoài thì sớm hay muộn cũng sẽ *suy thoái*. Nhưng không phải *cứ mở mang* là *phát triển và tiến bộ*. Vấn đề còn ở chỗ là *cách thức* mở mang, giao lưu với thế giới như thế nào. Bởi vì một vấn đề có tính quy luật cơ bản của đời sống con người, đó là nếu *tiếp cận tốt* thì kết quả sẽ tốt, nếu *tiếp cận tồi* thì nhiều khả năng kết quả sẽ tồi.

Một câu hỏi lớn đặt ra cho việc tiếp cận khoa học là tại sao trong lịch sử có những bài học thành công và không thành công? Vẫn cùng một nền văn hoá với những giá trị hàng đầu như tinh thần yêu nước, chủ nghĩa dân tộc, tâm lý và ý thức cộng đồng, nhưng tại sao từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu XX phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam không giành được thắng lợi? Sau này tại sao ta thắng Pháp, thắng Mỹ? Nếu trả lời vì đối phương vấp phải một nền văn hoá không thể nào hiểu được, không thể nào thắng được, thì chưa hoàn toàn có sức thuyết phục, nói cách khác, chỉ là mới đúng một phần. Nếu cho rằng vì chính sách đóng cửa (đương nhiên vì sợ hãi sự áp đảo, cưỡng chế của thực dân phương Tây dưới danh nghĩa "khai hoá") thì cũng mới đúng một nửa, thậm chí chưa được một nửa. Thực tế lịch sử cho thấy cũng có những bài học về chính sách đóng cửa dẫn tới sự thành công⁽²⁾ trong thời cận đại, sự phát triển của Nhật Bản tưởng như một nghịch lý, bởi vì bắt đầu từ cú hích đóng cửa dẫn đến sự thành công của cải cách Minh Trị sau này. Điều đó cho thấy không nên hiểu một cách đơn giản rằng cứ có một nền văn hoá mang bản sắc riêng không trộn lẫn với nền văn hoá các nước khác là tự khắc thành công. Hoặc cứ mở cửa là ắt phát triển. Bài học cho hôm nay là phải "biết mình biết ta", biết cách mở cửa, thậm chí như Nhật Bản là biết cả cách "đóng cửa một cách chủ động có chọn lựa nhằm khuyến khích sự phát triển các ngành kinh tế trong nước, phục hưng sản xuất và điều tiết ngoại thương".

Ba là, "biết mình biết ta" để giữ gìn và chất lọc, biết "mở cửa", "đóng cửa" thì ắt thành công.

Trước hết phải nhận thức đầy đủ về một bối cảnh quốc tế mới sẽ còn nhiều biến động. Đó là quá trình phát triển nhanh, mạnh và toàn cầu hoá trên nhiều lĩnh vực như thông tin, khoa học và công nghệ, kinh tế, thương mại... Nó tạo ra khả năng trao đổi trí tuệ, thông tin cực nhanh về thời gian, cực rộng về địa bàn và phong phú từ nhiều nguồn. Một chân trời văn hoá và kiến thức tạo cho các cộng đồng xích lại gần nhau đang mở ra trước các dân tộc. Mặt khác là nguy cơ san bằng và đồng nhất hoá các

hệ thống giá trị và tiêu chuẩn, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hoá. Kinh tế thị trường trong xu thế toàn cầu hoá có xu hướng biến di sản văn hoá (vật thể và phi vật thể) thành hàng hoá, kể cả bản thân con người.

Trong bối cảnh đó cần phải tỉnh táo nhận thức về mình. Không ai có thể phủ nhận được sức mạnh và giá trị trường tồn của bản sắc văn hoá Việt Nam⁽³⁾. Nhưng có phải sức mạnh đó là vô biên hay vẫn có chỗ yếu? Có những khuyết tật mà trước đây chưa bộc lộ hay bộc lộ ít, nay thì lộ rõ hơn. Hiện tượng phương Đông bị phương Tây áp đảo, bị ngược đãi và làm nhục, và chừng nào đã mở mắt cho họ là một bài học về quy luật cái mạnh đối với cái yếu. Trong quy luật đó không thể không bàn tới việc văn hoá phương Tây đi tiên phong về những lý tưởng cách mạng: tiến bộ, tự do, dân chủ, đặt chữ *trí* lên trên hết, lấy lý tính và khoa học làm tiêu chuẩn chân lý. Phải thừa nhận rằng trước kia cũng như hiện nay chúng ta đang thấp kém về mặt vật chất và khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật. Về khoa học xã hội và nhân văn cũng có những nét tương tự. Chẳng hạn phương Đông đề cao "đức trị" trong khi còn những non kém về "pháp trị". Chúng ta phải dám nhìn thẳng vào sự thật, giác ngộ về những yếu kém và lạc hậu của mình. Tuy nhiên sự mạnh, yếu cũng là cái nhìn tương đối, trong những giai đoạn và hoàn cảnh lịch sử nhất định. Bởi vì xét đến cùng thì những mặt tinh thần và giá trị đạo đức là những cái quan trọng hơn những cái khác. Theo tinh thần của UNESCO, "phân tích đến cùng sự phát triển của xã hội chính là sự phát triển của văn hoá"; "sự thăng hoa của văn hoá là đỉnh cao nhất của sự phát triển". Sự văn minh (khoa học - công nghệ phát triển) không tự động kéo theo sự tiến bộ về văn hoá, ngược lại làm cho sự dã man tiến hoá thêm. Cũng như vậy, không thể đơn giản kết luận "pháp trị" mạnh hơn "đức trị"...

Bốn là, điều cần quan tâm hiện nay là với tư duy văn hoá đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam: "Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác"⁽⁴⁾ thì chúng ta phải nhận thức như thế nào và làm gì để giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình giao lưu hội nhập? Có thể nêu lên một số khía cạnh cho sự lựa chọn mô hình phát triển Việt Nam như sau:

- Không e ngại sự áp đảo của toàn cầu hoá, không "dị ứng" với mọi biểu hiện của văn hoá nhân loại. Thâm nhập vào thế giới một cách chủ động, tự tin, tự nhiên, sẵn sàng đối thoại với các nền văn hoá với tư duy đa dạng văn hoá là một tất yếu của giao lưu, hợp tác. Muốn vậy phải trên cơ sở lấy văn hoá dân tộc làm gốc. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng đắn, đầy đủ việc giữ gìn, phát huy cốt cách văn hoá dân tộc mới đi tới được văn hóa nhân loại.

- Kinh tế là một cơ sở hạ tầng và có kiến thiết kinh tế rồi thì văn hoá mới kiến thiết được và đủ điều kiện phát triển được. Ngược lại, văn hoá là một kiến trúc thượng tầng, nhưng phải đứng trong kinh tế và chính trị, thúc đẩy kinh tế và chính trị phát triển. Như vậy, trong khi đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế, vẫn phải có niềm tin và biện pháp tích cực để phát triển văn hoá tinh thần, không theo kiểu dàn hàng ngang để tiến, mà bằng tư duy "lấy tinh thần chiến thắng vật chất", "đem văn minh (đồng nghĩa với văn hoá) thắng bạo tàn".
- Phải xuất phát từ tư duy phương Đông được đánh dấu bởi hoài bão tìm kiếm tính thống nhất của vũ trụ, sự hài hoà giữa những mâu thuẫn. Để giao lưu, hội nhập phải có một thái độ "cầu đồng tồn dị", tìm mẫu số chung thay vì khoét sâu sự cách biệt. Nếu giữa thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã tìm thấy điểm chung của Khổng Tử, Các Mác, Giêsu, Tôn Dật Tiên là mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội, thì đến cuối thế kỷ XX nhân loại lại tìm thấy một lý tưởng chung ở Hồ Chí Minh là hướng con người tới Chân - Thiện - Mỹ, đem lại hạnh phúc, tự do cho nhân loại. Trong mối quan hệ Đông - Tây, dân tộc và nhân loại, cần phải xác định có cái chung và cái riêng, vật chất và tinh thần, nội sinh và ngoại sinh để tập trung giải quyết sự cân bằng, hài hoà giữa các yếu tố đó.
- Có "vay" thì phải có "trả". "Vay" thì phải sáng tạo và không được trở thành kẻ bất chước. "Trả" thì phải xứng đáng là một dân tộc trong số ít của thế giới có nền văn hoá tiêu biểu. Giới thiệu văn hoá, đất nước, con người Việt Nam với thế giới, làm phong phú thêm nền văn hoá nhân loại vừa là trách nhiệm, vừa là vinh dự. Suy cho cùng "giúp bạn cũng chính là giúp mình". Quá trình "vay" và "trả" qua lại lẫn nhau giúp ta có điều kiện giao lưu hội nhập, tạo nên hiện đại, song vẫn rất truyền thống (Việt Nam) nếu chúng ta luôn luôn có ý thức và niềm tự hào về bản sắc dân tộc.
- Giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc là một ý thức chính trị, và ý thức chính trị của dân tộc, xây dựng tâm lý cộng đồng với nội dung cao cả là tinh thần độc lập, tự cường, tự chủ lại là biểu hiện cao nhất và trước hết của văn hoá. Trước đây bản sắc văn hoá của dân tộc với tinh thần yêu nước, chủ nghĩa dân tộc, tinh thần độc lập tự chủ về chính trị đã khẳng định sức mạnh của phong trào giải phóng thì nay lại càng như vậy. Bởi vì "một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"⁽⁵⁾.
- Tiếp thu toàn diện nhưng có chọn lọc qua "bàn lọc" bản sắc văn hoá Việt Nam. Nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh chỉ rõ cái gì bổ ích và cần

thiết, cái gì tốt và hay thì ta phải học lấy, tiếp nhận để làm giàu cho văn hoá Việt Nam, một nền văn hoá hợp với khoa học và hợp với cả nguyện vọng của dân. Nói như vậy để thấy không phải mọi thứ *mới lạ* đều *bổ ích*. Cái gì *mới* mà *hay* thì tiếp thu, còn cái *mới* mà *lai căng*, *xấu xa* thì cương quyết loại bỏ.

Phải thường xuyên bồi bổ cho lịch sử - văn hoá với ý nghĩa là cội rễ của dân tộc, cái vốn của riêng mình. Điều cơ bản là trước hết và phải làm kỳ được việc thường xuyên bồi bổ cho lịch sử- văn hóa, để cho cốt cách văn hoá dân tộc thấm sâu vào tâm lý quốc dân. Một khi sao nhãng công việc đó thì tự mình sẽ đánh mất mình. Nhưng trong nội hàm *giữ gìn bản sắc* đã chứa đựng *phát huy, giao lưu, trao đổi, xâm nhập và hội nhập các giá trị văn hoá*. Bởi vì văn hoá là đối thoại và đa dạng vì phát triển. Nhà văn hoá lớn Nêru (Nehru) hoàn toàn có lý khi cho rằng "người ta không thể sống một mình với cội rễ. Thậm chí cội rễ đó cũng sẽ khô héo nếu nó không vươn ra dưới mặt trời và không khí tự do; chỉ khi đó cội rễ mới mang dinh dưỡng đến cho anh. Chỉ khi đó cuộc sống mới đâm cành trở hoa"⁽⁶⁾.

Kết hợp chặt chẽ việc *tiếp thu tinh hoa* văn hóa nhân loại và *đấu tranh chống lại* sự xâm nhập của văn hoá độc hại, đó là mối quan hệ giữa giữ gìn bản sắc với tiếp thu tinh hoa, giữa *truyền thống - tiếp biến* và *đổi mới*, để bồi bổ cho một nền văn hoá dân tộc cường tráng, với các yếu tố nội sinh sung mãn.

- Quá trình giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc cũng là quá trình xâm nhập văn hoá, quá trình tự thân vận động, tự ý thức, tự khám phá, tự tái tạo từ ta và từ người. Cái khó ở đây là làm thế nào để có được sự cân bằng giữa gốc rễ và hoa lá trên cành; giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh khi các yếu tố đó luôn có mối quan hệ biện chứng. Câu trả lời phải được tiếp tục suy nghĩ từ quá khứ và thực tiễn hôm nay. Nhưng trước mắt theo chúng tôi vẫn phải trở lại, vận dụng sáng tạo và phát triển những luận đề của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... Người ta sẽ không làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ". "Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng và ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn". "Đem sức ta mà giải phóng cho ta", "muốn người ta giúp cho thì trước mình phải tự giúp mình lấy đã". Về văn hoá, cần hiểu đó là sự bảo tồn, chấn hưng nền văn hoá dân tộc để làm cơ sở định hướng cho việc mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế. Đồng thời phải kết hợp một cách chặt chẽ, khoa học, tinh tế, có lý có tình giữa "pháp trị"- mà đặc biệt là vai trò của *quản lý* của Nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội, với "đức trị"- mà chủ yếu là *giáo dục* tính nhân văn, đạo đức. Ở một ý nghĩa nào đó là kết hợp giữa "*xây*" và "*chống*", trong đó "*xây*" là nhiệm vụ chủ yếu và lâu dài. Phải nhận thức

con người là điểm xuất phát, cũng là mục tiêu của sự phát triển. Phải đào tạo con người cả về nhân cách và về trí tuệ. Trong nhân cách có trí tuệ. Trí tuệ càng cao, nhân cách càng phải lớn. Chỉ có nhận thức như vậy mới tạo nên một Việt Nam ổn định, phát triển bền vững trong quá trình giao lưu, hội nhập.

CHÚ THÍCH

1. Tọa đàm "Đa dạng hóa văn hóa, phát triển và toàn cầu hóa", báo *Lao động* ngày 23-5-2003.
2. Đây là nói tới chính sách đóng cửa thời Tokugawa (từ năm 1693) của Nhật Bản. Các học giả Nhật Bản ngày nay đánh giá cao chính sách này. Michio Morishima nhận xét: "Bằng cách theo đuổi chính sách quốc gia biệt lập, Mạc Phủ Tokugawa đã thực thi một chính sách bảo hộ mậu dịch hoàn hảo" (Michio Morishima: *Tại sao Nhật Bản thành công? Công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 84-85. Dẫn theo: GS. Vũ Dương Ninh: *Kinh nghiệm lịch sử và sự hội nhập văn hoá thế giới*. Sách "Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam", Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 227.
3. Cùng với Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Ấn Độ, Việt Nam là một trong năm quốc gia ở châu Á có nền văn hoá tiêu biểu trong tổng số khoảng 34 nền văn hoá có bản sắc riêng biệt.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr.56.
5. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t .6, tr. 522.
6. Jawaharlal Nehru. *Văn hoá là gì?* Báo *Nhân dân Chủ nhật*, 19-2-1989.